

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 về tăng cường quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn huyện Minh Long

I. Tình hình thực hiện:

1. Ngay sau khi nhận được Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Hướng dẫn 3869/HD-STNMT ngày 22/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi về lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. UBND huyện đã sao gửi Chỉ thị cho các cơ quan, đơn vị có liên quan, đồng thời triển khai tại các cuộc họp giao ban tuần, tháng, chỉ đạo cho phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã thực hiện nghiêm túc nội dung của Chỉ thị.

UBND huyện ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát, kiểm tra việc lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn huyện. Giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm chính công tác thẩm quyền cấp huyện; Công văn số 864/UBND-KTTH ngày 19/11/2018 về việc triển khai Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 về việc phê duyệt đơn vị nhận thầu lập Đề cương, nhiệm vụ và dự toán chi tiết.

Tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND. Sau hội nghị UBND huyện ban hành Thông báo kết luận số 17/TB-UBND ngày 18/3/2019; theo đó chỉ đạo UBND các xã thành lập Tổ công tác; rà soát, tổng hợp báo cáo đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND các xã quản lý, sử dụng; Đơn vị thi công xây dựng kế hoạch đo đạc, chỉnh lý lập hệ thống hồ sơ quản lý; Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện các bước theo lộ trình, quy định đảm bảo hoàn thành các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Trên cơ sở hướng dẫn số 2704/HDKT-STNMT ngày 06/8/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường; giao đơn vị tư vấn phối hợp cơ quan chức năng và UBND các xã thực hiện đầy đủ từ bước thu thập số địa chính, sổ mục kê, sổ dã ngoại, sổ quản lý theo dõi cho thuê đất của địa phương và các tài liệu khác có liên quan đến đất nông nghiệp do UBND cấp xã quản lý, sử dụng; tổ chức đo đạc chỉnh lý từng thửa đất đến bước 5 là niêm yết công khai hồ sơ từng thửa đất công ích và đất nông nghiệp khác trên địa bàn 5/5 xã. Hoàn thiện các bước

và các hạng mục sản phẩm hồ sơ đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng; hồ sơ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, tổ chức bàn giao sản phẩm cho các xã, phòng TNMT quản lý theo quy định.

II. Kết quả thực hiện:

1. Khối lượng đã thực hiện: 289 thửa đất/ 1.224.182,5 m²; trong đó:
 - Đất công ích: 56 thửa/271.227,6 m².
 - Đất nông nghiệp khác: 233 thửa/952.954,9 m²

(Chi tiết theo các Phụ lục được gửi kèm)

2. Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện: 180.228.000 đồng.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh. UBND huyện Minh Long gửi Sở tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở TN và MT;
- CT, PCT UBND huyện;
- CVP, PVP;
- Phòng TN&MT;
- UBND các xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Thị Xuân Hương

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, CHỈNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH; LẬP SỔ ĐỊA CHÍNH, SỔ MỤC KÊ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Báo cáo số: 237/UBND ngày 21/6/2022 của UBND huyện Minh Long)

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số tờ bản đồ theo tỷ lệ					Khối lượng đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính đã được ký duyệt						PHỤ LỤC 01	
							Đất công ích		Đất nông nghiệp khác		Tổng cộng		Hồ sơ địa chính đã được ký duyệt	
		Tổng số tờ	Tỷ lệ 1/500	Tỷ lệ 1/1000	Tỷ lệ 1/2000	Tỷ lệ 1/5000	Thửa	Diện tích (m ²)	Thửa	Diện tích (m ²)	Thửa	Diện tích (m ²)	Sổ mục kê (Quyển)	Sổ địa chính (Quyển)
(1)	(2)	(3)			(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4+6)	(9)=(5+7)	(10)	(11)		
1	Xã Long Môn	7		2		5		139	837.919,7	139	837.919,7	3	3	
2	Xã Thanh An	3		3				9	181,3	9	181,3	3	3	
3	Xã Long Hiệp	11		9		2		69	20.432,8	69	20.432,8	3	3	
4	Xã Long Sơn	17		15		2	49	239.641,9	7	60.009,3	56	299.651,2	3	3
5	Xã Long Mai	14		13		1	7	31.585,7	9	34.411,8	16	65.997,5	3	3
Tổng		52		42		10	56	271.227,6	233	952.954,9	289	1.224.182,5	15	15